

GẠO VÀ THUỐC PHIỆN: NGHIÊN CỨU VỀ HOẠT ĐỘNG MẬU DỊCH CỦA NGƯỜI HOA Ở VIỆT NAM NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX

DƯƠNG VĂN HUY*

Nửa đầu thế kỷ XIX là giai đoạn lịch sử đầy những biến đổi về mặt kinh tế - xã hội. Hoạt động thương mại, nhất là ngoại thương vẫn diễn ra và được sự khuyến khích từ phía chính quyền trung ương. Đồng thời, cùng với sự thất bại của các thương nhân phương Tây trong hoạt động mậu dịch với nhà Nguyễn và sự thất bại của người Việt trong các hoạt động thương mại với thị trường Trung Quốc. Người Hoa đã trở thành một lực lượng quan trọng, nắm giữ các hoạt động mậu dịch quan trọng của Việt Nam kể cả nội thương và ngoại thương, và nhất là trong các hoạt động mậu dịch giữa Việt Nam và Trung Quốc. Với chính sách ưu ái của chính quyền nhà Nguyễn, người Hoa đã thâm nhập vào hầu hết các lĩnh vực kinh doanh thương mại của Việt Nam. Bên cạnh đó, họ cũng tham gia tích cực vào buôn bán hai mặt hàng cực kỳ quan trọng và nhạy cảm thời kỳ này đó là gạo và thuốc phiện. Mặt hàng gạo có ảnh hưởng trực tiếp tới vấn đề kinh tế và ổn định xã hội của Việt Nam. Thuốc phiện là mặt hàng buôn bán quan trọng của các thương nhân quốc tế không chỉ ở Việt Nam mà còn trên khắp các thị trường khu vực. Cho nên,

xuất gạo đi nhập thuốc phiện về là một trong những hoạt động kinh doanh đem lại nhiều lợi nhuận nhất cho Hoa thương ở Việt Nam thời kỳ này. Đồng thời, những hoạt động thương mại này đã tác động không nhỏ tới đời sống kinh tế, xã hội Việt Nam đương thời.

1. Hoạt động buôn bán gạo của Hoa thương ở Việt Nam

Việt Nam vốn phong phú về gạo, nhất là từ khi lãnh thổ được mở rộng xuống phía Nam, diện tích canh tác được mở rộng, điều này đã khiến cho khu vực Nam Bộ đã trở thành vựa lúa của cả nước và là mặt hàng buôn bán quan trọng của các Hoa thương (1), nhất là trong buôn bán với Trung Quốc. Trong nhiều trường hợp chính quyền Việt Nam đã cấm buôn bán gạo để đảm bảo nhu cầu tiêu dùng trong nước, nhưng với nhu cầu về gạo mạnh mẽ từ phía Trung Quốc đã khiến cho việc buôn bán gạo có thể kiếm được những khoản lợi nhuận kích xù, chính điều này đã khiến cho Hoa thương bất chấp thủ đoạn để tiến hành các hoạt động buôn lậu gạo từ Việt Nam sang Trung Quốc, bất chấp lệnh cấm của chính quyền trung ương Việt Nam khi đó.

* Th.S. Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

Bên cạnh đó, trong khi tăng nhanh về dân số tại Trung Quốc, thì diện tích canh tác trồng lúa lại bị thu hẹp ở nhiều nơi do chiến tranh tàn phá, hoặc những diện tích trồng lúa không tăng kịp so với nhịp độ tăng dân số. Ngoài ra, trong thời kỳ cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX nhà Thanh Trung Quốc, chiến tranh nổ ra triền miên, cộng với việc đói kém mất mùa xảy ra thường xuyên. Cho nên, việc thiếu lương thực đã trở thành vấn đề cấp thiết đặt ra đối với Trung Quốc. Chính vì vậy, trong các hoạt động buôn bán với Đông Nam Á, nhà Thanh khuyến khích các hoạt động nhập khẩu gạo và nhất là hoạt động mậu dịch lúa gạo với Thái Lan và Việt Nam.

Trong các hoạt động buôn gạo với Đông Nam Á, Việt Nam chiếm một vị trí quan trọng, song các hoạt động mua bán này chủ yếu diễn ra trên phương thức buôn lậu của các Hoa thương ở Việt Nam. Trong khoảng thế kỷ XVII, kinh doanh gạo ở Việt Nam đã phát triển mạnh, nhất là việc xuất khẩu gạo của Đàng Ngoài qua con đường cảng Hải Phòng, và trung tâm những hoạt động kinh doanh này là Phố Hiến. Đến năm 1831, khi Phố Hiến đổi tên thành Hưng Yên, thì cảng này không còn vai trò là trung tâm thương mại nữa. Đến 1825, các tư liệu cho biết có khoảng 40 chiếc thuyền buôn của Hoa thương buôn bán ở Nam Định và Hà Nội, hai cảng này trở thành những trung tâm xuất khẩu chủ yếu ở khu vực châu thổ Sông Hồng (2). Hải Phòng cũng trở thành một thương cảng quan trọng vào khoảng giữa thế kỷ XIX. Trong khoảng thời gian từ 1844 đến 1846, một giáo sỹ truyền đạo của Dominican là Manuel de Rivas cho biết một số thông tin về những con số thương thuyền người Hoa đến Bắc Kỳ để buôn bán gạo. Ông cho biết, chỉ riêng ở cảng Hải Phòng có hơn 500 tạ gạo xuất khẩu (ở đây là đơn vị tạ của Tây

Ban Nha, 1 tạ Tây Ban Nha tương đương khoảng 46 kg, nên trung bình trọng lượng khoảng 23 tấn), ông cũng cho biết ở Hà Nội số lượng gạo xuất khẩu còn lớn hơn nhiều (3).

Cụ thể hơn về việc Hoa thương tham gia vào hoạt động buôn bán gạo ở Bắc Kỳ chúng ta có thể tìm thấy trong những bức thư của Pierre André Retord, Cha sở Tòa thánh Tây Tonkin, ông cho biết vào khoảng những năm 50 của thế kỷ XIX, khi ông tỏ ra lo lắng về nạn đói ở Bắc Kỳ, và ông đổ lỗi cho nhà Nguyễn là *“hệ thống chính quyền này dường như ngày càng trở nên bất lực đối với khu vực này, chính quyền đối đãi vùng này giống như vùng bị chinh phục và những quan lại ở đây khai thác chúng để thỏa mãn lòng tham của họ... ở đây các quan lại của chúng ta... đã cấm rất gắt gao việc xuất khẩu gạo từ tỉnh này đến tỉnh khác. Lệnh cấm mậu dịch được ban ra với việc chỉ được dùng thuyền nhỏ; nhưng các quan chức chính quyền dựa vào các hành vi phạm pháp để làm giàu cho chính họ, để phòng buôn lậu, truy kích đến cùng bọn buôn lậu, tịch thu hàng hóa và đánh thuế nặng xử phạt làm giàu cho quan lại”* (4). Đồng thời, Retord cũng đã so sánh với cách ứng xử của chính quyền với người dân địa phương và với việc ủng hộ sự mở rộng thương mại của người Hoa, ông cho rằng, *“những gì chính quyền [Huế] làm không phải cho người địa phương, họ chủ yếu cho người Trung Quốc đến đây hàng năm từ khi có nội chiến tại đất nước họ [Trung Quốc] và họ [người Hoa] có được sự cung cấp lương thực lớn. Quan lại về bề mặt muốn đuổi họ đi nhưng những người nước ngoài này bí mật đưa cho số tiền lớn, và vì vậy họ được tự do thực hiện trọn vẹn công việc kinh doanh của mình. Năm ngoái (1856), nhiều người Hoa đến Tonkin (Bắc Kỳ) không mang theo hàng hóa để bán ở*

đây mà họ chỉ lặng lẽ thu mua gạo, hầu hết nên thương mại ở Trung Quốc bị ngưng trệ bởi sự tàn phá của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh của người Anh (chiến tranh Nha Phiến) đã phá hủy chúng” (5).

Trong kết luận của Retord, ông cho biết thêm, năm 1857 lại có một nạn đói khác và gạo đã tăng giá hơn 5 lần so với khi ông đến Bắc Kỳ vào năm 1832 (6). Giống như những phái đoàn truyền giáo người Pháp khác khi đó, Retord sống gần với khu vực có mức sống trung bình và công việc của ông đã phản ánh rõ cái nhìn rất phổ biến về hoạt động buôn bán gạo của người Hoa ở Bắc Kỳ (7). Bên cạnh đó, việc nghiên cứu về thuế thu từ ngoại thương trong thời gian từ năm 1865 đến năm 1868 cũng cung cấp nhiều bằng chứng cho thấy nhiều lợi ích có được từ xuất khẩu gạo, cũng như thông qua thuế đánh vào thuốc phiện, thiếc và gỗ cứng. Vào năm 1865 và 1866, thuế đánh lên mỗi thuyền buôn tham gia buôn bán đường sông ở Tonkin là 50 lạng bạc. Năm 1865, tổng số 157 thuyền buôn phải trả tới 7.850 lạng bạc và năm 1866 thuế thu được là 5.450 lạng bạc. Thuế thu tăng thêm 75 lạng bạc mỗi thuyền buôn trong những năm sau đó (8).

Năm 1865, sau khi nạn đói ở tỉnh Hải Dương dẫn đến 8.000 người chết, chính quyền nhà Nguyễn đã thực hiện đánh thuế gạo xuất khẩu nhằm bảo vệ lượng gạo cung ứng cho nhu cầu trong nước. Tuy nhiên, năm 1866, các Hoa thương yêu cầu cho họ được xuất khẩu gạo miễn thuế ở cảng Hải Phòng trong vòng 5 năm, đổi lại Hoa thương sẽ cung cấp 69 thuyền mảnh để giúp chính quyền Việt Nam trấn áp hải tặc ở cửa sông Cẩm thuộc khu vực vịnh Hạ Long. Sự hợp tác này được chính quyền tán thành, và 69 chiếc thuyền này được miễn thuế buôn bán gạo. Ngoài ra, 26 chiếc

thuyền mảnh khác đến được Nam Định và Hải Dương. Đồng thời 30 chiếc thuyền mảnh Hoa thương đã mua 1.364.260 cân gạo (1 cân = 0,6 kg) hoặc 818,5 tấn, với số thuế quy định là 3 lạng bạc cho 1000 cân, chính quyền thu được 4.091 lạng bạc từ thuế (9).

Năm 1867, cảng Hải Dương chỉ thu được 310 lạng bạc thuế từ 3 thuyền buôn, thấp hơn 10% so với 5.563 lạng bạc tiền thuế thu được từ 25 thuyền buôn đường sông ở Trà Lý của Nam Định. Khi được hỏi về lý do tại sao, các thương nhân đến từ Trung Hoa cho biết họ chỉ được phép thu mua gạo trong vòng 8 đến 9 ngày, và nếu họ ở lại lâu hơn thì bị coi là “gian thương” (cunning merchants) và sẽ bị trừng phạt. Vua Tự Đức đã hỏi các quan lại ở Hải Dương về vấn đề này và họ đã báo cáo rằng “các thuyền buôn nhà Thanh nhỏ và vốn thì khiêm tốn, nên họ muốn đến để buôn bán. Họ yêu cầu nhà vua giảm thuế mới, yêu cầu này thật quá đáng” (10).

Việc xuất khẩu gạo quá đáng sẽ tạo ra thiếu hụt ở chính Việt Nam, làm tăng giá và cuối cùng gây bất ổn về xã hội. Do đó, chính quyền nhà Nguyễn cần ngăn chặn tệ nạn buôn lậu nếu họ muốn được lòng dân. Nhưng ngăn chặn thật không dễ vì người Hoa luôn có nhu cầu và việc xuất khẩu sang Trung Hoa kể cả bất hợp pháp, vì có lời rất lớn. Không chỉ có Hoa kiều, mà ngay cả ngư dân hay thương nhân Việt Nam cũng thông đồng với thương nhân người Hoa để cung ứng cho việc thương mại song hành này (11). Các phú thương người Hoa ở Việt Nam cũng như ở Hà Nội thường dùng thuyền lớn đi lại các tỉnh mua gạo về rồi lên lút chở sang Trung Quốc bán lại để kiếm lời to. Trong mua bán gạo các phú thương Hoa kiều thường áp dụng kết hợp các thủ đoạn cho vay lãi, mua lúa non và

bất bí mua rẻ (12). Người Hoa dựa vào thế được ưu đãi về pháp luật và số vốn lớn của mình. Các Hoa kiều ở Hà Nội đã tỏa đi khắp các nơi cho các tiểu chủ và nhà nông người Việt vay vốn, đặc biệt là “các Hoa kiều bang Quảng Đông đứng làm chủ các ngân hàng, họ cho vay lãi có khi tới 60% hàng năm, tức 5% hàng tháng, Hocquard gọi những Hoa kiều kiểu đó là những *tên Do thái Viễn Đông*, và mỗi khi mùa lúa sắp chín... những hoa Kiều đó cầm túi bạc, ngồi thuyền đi đây đó khắp các ngả sông, giơ túi bạc đó dụ dỗ cho các nhà nông vay, nhất là đối với những người đang cần tiền trong công việc ma chay hiếu hỷ. Và đến kỳ hạn, nếu các con nợ đó không có tiền trả thì Hoa kiều đã nhăm só lúa thu hoạch của người đi vay mà bất bí mua lại với một giá rẻ mạt” (13). J.Dupuis khi đến Hà Nội có ghi lại sự kiện các Hoa thương phố Quảng Đông đã dùng 3 chiếc thuyền buôn đi thu mua lúa gạo chở từ Hải Dương về. Năm 1879, Tự Đức cũng dụ rằng “*gần đây nghe rất nhiều những thuyền buôn (nhà Thanh) cứ đổ không để đợi đến mùa hạ lúa chín... [gạo bị] chở trộm ra khỏi cửa biển*”. Đôi khi họ cũng dùng mảnh khố tráo đổi thuyền buôn để chở trộm gạo về Trung Quốc (14).

Nhu cầu lớn về gạo của thị trường Trung Quốc đã kích thích dòng chảy gạo ra ngoài lãnh thổ Việt Nam và tạo nên sự bùng nổ mạnh mẽ trong buôn bán lậu gạo thời kỳ nhà Nguyễn. Bên cạnh đó, triều đình Huế đã áp dụng hàng loạt các chính sách nhằm thúc đẩy việc nhập khẩu gạo nhằm đáp ứng nhu cầu lương thực trong nước. Năm 1825, thuế được miễn trừ chủ yếu phụ thuộc vào lượng gạo chở trên tàu đối với các thuyền buôn ngoại quốc tại cảng Việt Nam, nhất là những thuyền buôn từ Siam và Hạ Châu (15). Nếu các thuyền buôn ngoại quốc vận chuyển gạo đến Việt Nam càng nhiều

thì thuế miễn cũng nhiều hơn (16). Buôn bán gạo trong nước chủ yếu do chính quyền nắm giữ nhằm đảm bảo đáp ứng đủ nhu cầu quốc gia. Miễn thuế nhằm thúc đẩy thương nhân cung cấp gạo cho khu vực nội địa. Thuế được miễn nếu thuyền buôn đến chỉ mang theo hàng hóa là gạo (17). Tuy nhiên, những thuyền buôn không thể được miễn thuế hoàn toàn nếu thuyền của họ mang gạo cùng với các hàng hóa khác đến (18). Năm 1864, một thương nhân Trung Quốc là Vạn Thuận chở gạo từ Siam và được miễn thuế hoàn toàn khi buôn bán ở Bình Định (19).

Việc buôn bán gạo phi pháp thực sự đáng lo ngại đối với triều đình Huế. Trong thế kỷ XIX, triều đình liên tục ban hành các quy định hạn chế đối với các hoạt động buôn lậu gạo ra nước ngoài. Nhưng các thương nhân, nhất là Hoa thương vẫn buôn bán gạo bí mật bằng nhiều cách khác nhau và đa phần đều trót lọt. Một mặt, các thuyền buôn của Hoa thương thường xuyên thay đổi các kế hoạch xuất khẩu gạo sang Trung Hoa để tránh bị đánh thuế, hoặc đánh lừa thuế khi họ quay trở lại Việt Nam (20). Mặt khác, nhiều Hoa thương buôn lậu gạo dưới lý do đóng thuyền hoặc buôn bán cùng các loại hàng hóa khác. Buôn lậu gạo xảy ra rất thường xuyên, và nhiều thương nhân người Việt giả dạng thành những Hoa thương để buôn lậu gạo. Việc gia tăng số lượng các hoạt động buôn lậu như vậy dẫn đến việc chính quyền gia tăng các quy định hạn chế các thương nhân địa phương giả dạng các thuyền buôn Trung Hoa (21).

Năm 1828, nhà Nguyễn đã cấm các thuyền buôn Việt Nam đến Hạ Châu buôn bán gạo. Năm 1836, triều đình đã cử nhiều quan lại đi công cán Hạ Châu, và những quan chức này đã báo cáo rằng đã thấy

nhiều thuyền buôn và thương nhân đến từ Việt Nam buôn bán gạo với người địa phương ở Hạ Châu và mua thuốc phiện chở về Việt Nam. Báo cáo này là nguyên nhân dẫn đến chính quyền nhà Nguyễn phục hồi lại lệnh cấm, cho nên những người Việt địa phương không được phép bán gạo cho Hoa thương hoặc các thương nhân nước ngoài khác (22). Hơn nữa, có nhiều Đại Dịch Thuyền ở Vĩnh Long đã xuất ra nước ngoài buôn bán gạo, nhưng một số buôn bán ở thị trường trong nước. Điều này cũng có thể thấy một số họ đến Trung Quốc đến buôn bán gạo với các thương nhân ở Quảng Châu hoặc Hải Nam, cũng như ở Hạ Châu (23).

Với ưu thế về mặt địa lý gần với Trung Quốc, một số địa phương của Việt Nam như Quảng Yên, Hải Dương, nạn buôn bán vận chuyển gạo phi pháp diễn ra thường xuyên. Cùng với việc gia tăng dân số ở Trung Quốc từ thế kỷ XVIII đã thúc đẩy sự nhập khẩu gạo của nước này và lợi nhuận thu được từ việc buôn bán gạo vô cùng lớn đã kích thích dòng chảy gạo bí mật từ Việt Nam đến Nam Trung Hoa. Điều này khiến cho những nạn đói ngày càng trầm trọng hơn ở khu vực các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ do nhiều năm mất mùa, và những năm được mùa thì lượng gạo xuất khẩu quá nhiều gây nên tình trạng thiếu gạo thường xuyên, giá gạo tăng chóng mặt trong những năm 20 của thế kỷ XIX, theo Nguyễn Thế Anh thì, trong những năm 1825 và 1829-1830 thì giá gạo tăng 50 đến 100% (24). Nhưng vấn đề buôn bán gạo không ảnh hưởng quá nhiều tới đời sống kinh tế, xã hội của người dân địa phương khu vực Nam Kỳ, bởi đến thời kỳ nhà Nguyễn, khu vực này diện tích canh tác mở rộng hơn bao giờ hết và trở thành vựa lúa, nguồn cung cấp gạo chủ yếu của Việt Nam. Không chỉ vậy, đây là khu vực xuất khẩu gạo lớn nhất của nước ta. Vào năm 1804, khu vực Gia Định có

khoảng 500.000 cân gạo, tương đương khoảng 300 tấn được xuất khẩu đi Philippin (25). Trong khi giá gạo tăng mạnh vào những năm 20 thế kỷ XIX ở khu vực Bắc Kỳ thì giá gạo lại vô cùng thấp ở Gia Định, năm 1829 "*kỳ trước giá gạo rất rẻ, 1 phượng (38,5 lít) gạo giá không quá 5-6 mạch (hay tiền, tương đương 0,5-0,6 quan)*. *Gần đây, tuy năm được mùa mà giá gạo cũng không dưới 1 quan, đó là bởi bọn buôn gian xảo đong trộm nhiều và thuyền người Thanh chở khách đến họp ăn rất nhiều*" (26). Chính vì vậy mà dòng chảy gạo ra nước ngoài ngày càng nhiều chủ yếu thông qua các hoạt động buôn lậu của Hoa thương. Bên cạnh đó, gạo được các Hoa thương vận chuyển đi với khối lượng không nhỏ cũng do sự cho phép của các quan lại ở đây (27). Chính vì vậy, khu vực Gia Định cũng là trung tâm để các "gian thương" người Hoa kể cả người Việt buôn lậu gạo một cách mạnh mẽ, và những thương nhân này đã thu được những khoản lợi nhuận khổng lồ (28).

Năm 1824, nhiều người chịu đói ở Khâm Châu và Liêm Châu của Trung Quốc, và giá gạo ở đây tăng một cách đột ngột lên tới 4 thậm chí 5 lạng bạc mỗi *gánh* (29). Nhiều người Việt buôn bán gạo phi pháp tới Khâm Châu và Liêm Châu. Về dòng chảy gạo ra ngoài, Hoàng đế Minh Mạng đã ra lệnh các quan lại áp dụng các biện pháp nghiêm khắc nhằm ngăn chặn việc buôn lậu gạo sang Trung Quốc (30). Các thương nhân Việt Nam cũng như thương nhân Trung Hoa đã bí mật vận chuyển gạo sang Trung Quốc, thậm chí cho dù chính quyền nhà Nguyễn đã hạn chế người Hoa ở Việt Nam tham gia buôn bán (31). Năm 1836, Nguyễn Công Trứ, Tổng đốc Hải Dương và Quảng Yên nhận được chỉ thị của triều đình Huế thực hiện việc cấp giấy phép cho thương nhân bởi vì nhiều người Việt Nam

đóng thuyền ở Hải Dương và Quảng Yên nhằm vận chuyển bí mật gạo cho các Hoa thương (32). Cho nên, chính quyền Việt Nam thi hành hệ thống này nên mỗi thương nhân có được hạn ngạch buôn bán gạo nhất định dưới sự giám sát và phân phối của chính quyền nhà Nguyễn ở Vân Đồn và Vạn Ninh (33). Mặc dù vậy, tình trạng thiếu gạo vẫn diễn ra triền miên không chỉ những năm mất mùa mà thiếu cả trong những năm được mùa.

Vào thời kỳ Thiệu Trị, dòng chảy gạo phi pháp ra ngoài qua từ Hải Dương và Quảng Yên vô cùng nghiêm trọng. Nhiều thuyền buôn loại nhỏ địa phương đã buôn bán lậu gạo, cung ứng cho Quảng Yên và các vùng phụ cận. Vào năm 1845, nhiều thuyền buôn Trung Hoa tham gia vào các hoạt động buôn bán gạo bí mật với người địa phương. Những hoạt động buôn bán ngầm này vô cùng nghiêm trọng, khiến cho triều đình Huế đã phải ban hành lệnh cấm tư thương buôn bán gạo vào năm 1845 (34). Chính quyền nhà Nguyễn đã mạnh tay hơn trong việc khống chế tình trạng buôn bán gạo hoặc xuất khẩu gạo phi pháp sang Trung Quốc hoặc đi Hạ Châu trong thời kỳ Tự Đức (35). Tuy nhiên, các quy định hạn chế buôn bán gạo không hoàn toàn thành công trong việc hạn chế được nạn buôn lậu gạo. Năm 1858, nhiều thuyền buôn Hoa thương đã đến khu vực biển Phan Thiết ở Bình Thuận và tham gia mạnh mẽ vào các hoạt động buôn bán lậu gạo với người Việt (36).

Chúng ta biết rằng, trên danh nghĩa thì việc xuất khẩu gạo là phi pháp thời Nguyễn. Tuy nhiên, chính quyền vẫn định kỳ phê chuẩn việc xuất khẩu gạo để đổi lấy những hàng hóa quan trọng khác như đồng, và các trang thiết bị quân sự cho triều đình. Cho nên, nhiều thương nhân lợi dụng

việc này đã vận chuyển phi pháp gạo để đổi lấy đồng và trang thiết bị quân sự trước khi bán chúng cho chính quyền. Riêng về mặt này thì việc “xuất khẩu gạo trái phép” để đổi lấy hàng hóa chiến lược cho triều đình Huế là sự bổ sung cần thiết và quan trọng cho nền kinh tế, chính trị (37). Việc thiếu đồng là nguyên nhân khiến cho nhà Nguyễn dùng Hoa thương cho vận chuyển gạo để trao đổi lấy đồng. Năm 1814, một chiếc thuyền chở Nitrat Kali (dùng làm thuốc súng) từ Macao đến bán chúng cho Việt Nam với giá 100 cân là 10 dollar Bồ Đào Nha. Như một sự báo đáp, chiếc thuyền buôn này được miễn thuế được thu mua gạo và các hàng hóa cấm khác để quay về. Trong khi chờ đợi, những hàng hóa khác được tiếp cận và bán tại Việt Nam (38). Tuy nhiên, việc thu mua gạo từ những tư thương mà không được sự phê chuẩn của nhà Nguyễn thì vẫn không được phép (39). Hoa thương vẫn được phép chở những số lượng gạo được quy định từ Việt Nam tới Trung Hoa. Trên một chừng mực nào đó, Hoa thương có sự ưu đãi của chính quyền trong việc buôn bán gạo, nhất là việc những thương nhân này giúp đỡ chính quyền vận chuyển đến trang thiết bị vũ khí. Đối với nhà Thanh, triều đình Huế đã trao đổi gạo lấy thiết bị quân sự trong bối cảnh nhu cầu về gạo của nhà Thanh tăng lên nhanh chóng do việc bùng nổ dân số từ cuối thế kỷ XVIII. Ngoài những Hoa thương, thậm chí cả những thương nhân khác ở khu vực cũng tham gia vào việc trao đổi thiết bị quân sự lấy gạo của Việt Nam và các loại hàng hóa có ích khác. Các thương nhân Siam có thể mua các loại hàng bị cấm như tơ lụa vải vóc và các loại hàng hóa địa phương khác ở Việt Nam chỉ cần họ bán tiêu thạch cho chính quyền Nguyễn (40).

Bên cạnh đó, đến thời kỳ những năm 70 và 80 của thế kỷ XIX, việc mở cửa khẩu đã có những hậu quả tai hại, đặc biệt ở Bắc Kỳ. Triều đình vì thiếu kinh nghiệm cùng chính sách kinh tế, thiếu nhân viên chuyên môn, nên không có khả năng kiểm soát những cơ chế của thương nghiệp với nước ngoài, nhất là đối với Hoa thương. Triều đình cũng không biết đến cả cái cơ chế định giá của thị trường tự do, như Philastre cất nghĩa trong thư gửi Thống đốc Nam Kỳ: *"Thưa Thống đốc, trong quyết định của chính phủ An Nam, có lẽ ngài sẽ ngạc nhiên khi ông thượng thư nói là: ...không hạn chế và cũng không giảm giá... Vì một quan niệm rất sai lầm phản kinh tế mà chính phủ này cũng như chính phủ Trung Hoa thường định mức tối đa cho giá gạo, mỗi khi họ buộc phải dùng những biện pháp như thế. Đó cũng chính là chủ tâm hiện thời của nhà vua, nhưng tôi đã nhiệt thành nhấn mạnh cho thượng thư hiểu rằng, nếu cứ theo cách thức cũ kỹ đó, chính phủ của ông không thể có tham vọng biết được các nhà buôn nước ngoài đã đủ lâu chưa khi chính phủ định gạo giá này hay giá khác, cũng như chính ông không biết rằng dân sẽ không có lợi nếu có thể mua được gạo, vì giá gạo quá cao. Tôi thấy là ông thượng thư đã được cuộc!"* (41).

Việc mở cửa các bến cảng càng tạo thêm thế thượng phong của người Hoa trong phạm vi thương nghiệp, họ đổ xô đến Hà Nội và Hải Phòng. Năm 1876, Tự Đức cho phép xuất khẩu gạo, định thời hạn cho xuất khẩu gạo là 40 hoặc 60 ngày tùy hoàn cảnh. Khá nhiều tàu buôn từ Hương Cảng tới mua gạo như Ture lãnh sự Pháp ở Hải Phòng, đã chứng kiến vào ngày 4 tháng giêng năm 1878 như sau: *"Tình hình thương nghiệp tốt. Gạo từ nội địa được đưa ra rất nhiều. Tàu thủy chạy bằng hơi nước từ Hương Cảng đến luôn thấy số hàng vận*

chuyển ở đây đã sẵn sàng. Cuộc vận tải là 18-20 xu một tạ ở Bắc Kỳ. Mỗi chiếc tàu thủy đều có mang tới cho chúng tôi một số hành khách người Hoa làm phu hay viên chức thương mại. Hiện có nhiều nhà buôn người Hoa mới được thành lập" (42). Gạo được xuất khẩu, giá gạo tại chỗ càng tăng. Những người Hoa làm trung gian mại bản đi khắp xứ Bắc Kỳ để mua gạo trực tiếp của người sản xuất. Như thế sẽ khiến cho nạn đói kém càng nghiêm trọng hơn, theo như báo cáo của Philastre gửi Thống đốc Nam Kỳ: *"Ông Kergaradec viết thư cho tôi rằng nạn đói gây tai hại trầm trọng tới tận tỉnh Ninh Bình, hơn nữa, gạo rất đắt khắp cõi Bắc Kỳ. Tôi cũng biết là Nghệ An cũng cơ cực đói kém tương đương như trong các tỉnh phía Nam. ...Các thương lái và người tích trữ nhiều gạo chỉ đến lợi riêng của mình và chỉ nhìn sự việc với con mắt rất khác nhau. Bởi vì họ mua được một số lớn gạo và có lợi khi đem bán ở Hương Cảng, thì họ tuyên bố là Bắc Kỳ có thừa mùa gạo. Điều ấy đúng với những kho chứa của họ, nhưng không đúng với dân chúng"* (43).

Có thể nói rằng, việc nạn đói thường xuyên xảy ra ở Việt Nam thời kỳ nhà Nguyễn, nghiêm trọng nhất là những nạn đói xảy ra ở Bắc Kỳ đã ảnh hưởng không nhỏ tới đời sống kinh tế, xã hội của Việt Nam. Nạn đói xảy ra do thiếu hụt gạo trong nước bởi vấn đề gạo ở Việt Nam bị vận chuyển quá nhiều ra ngoài biên giới qua các hoạt động thương mại của Hoa thương và nhất là các hoạt động buôn lậu lúa gạo. Điều này một lần nữa phản ánh những hoạt động thương mại này của Hoa thương cũng đã có tác động không tốt tới đời sống kinh tế xã hội của Việt Nam, và là nguyên nhân gây nên tình trạng bất ổn về an ninh lương thực và dẫn đến nạn đói triền miên xảy ra ở miền Bắc Việt Nam thời kỳ này.

2. Hoạt động buôn bán thuốc phiện của Hoa thương ở Việt Nam

Thuốc phiện được vốn được coi như một loại được được buôn bán giữa Trung Quốc và Việt Nam trong thế kỷ XVII. Đầu thế kỷ XVII, nhà Minh Trung Quốc đã nhập khẩu thuốc phiện từ Bắc Việt cho mục đích thuốc chữa bệnh (44). Theo đó, trong thế kỷ XVII, XVIII, việc buôn bán với Đàng Ngoài chủ yếu thông qua các Hoa thương. Hàng hóa giữa Trung Quốc và Đàng Ngoài được lưu thông với các loại hàng hóa chủ yếu như hương liệu, các sản phẩm được liệu được xuất khẩu từ Đàng Ngoài đến Trung Quốc. Bên cạnh đó, Đàng Ngoài cũng nhập khẩu lượng lớn thuốc bắc hỗn hợp từ Trung Quốc (45).

Thuốc phiện dạng sợi được sử dụng vào khoảng đầu thế kỷ XVIII ở châu Á. Người Hà Lan là những người nghĩ ra việc làm loãng nồng độ thuốc phiện sợi bằng việc hút thuốc phiện với nước. Thuốc phiện dạng sợi được tiêu thụ ở Java. Ngay sau đó, những người Hoa định cư ở Formosa (tức Đài Loan) đã bắt chước làm theo (46). Cũng trong thời kỳ này ở khu vực Đàng Trong hút thuốc phiện giống như hút thuốc lá (47). Cho nên, rất hợp lý khi cho rằng đầu thế kỷ XVIII, thuốc phiện được đưa vào tiêu thụ ở Việt Nam, không chỉ như một loại thuốc trị bệnh mà còn như một loại thuốc hút. Thuốc phiện được hút ở Việt Nam đầu tiên chủ yếu trong giới Hoa kiều, sau đó lan dần sang các tầng lớp nhân dân người Việt và kể cả tầng lớp quan lại. Và, việc buôn bán thuốc phiện có liên quan chặt chẽ với việc buôn bán gạo của Hoa thương ở Việt Nam trong thế kỷ XIX.

Cùng với việc xuất khẩu gạo ra nước ngoài thì Hoa thương lại đưa thuốc phiện quay lại thị trường Việt Nam. Thật vậy, người ta thường trao đổi hai món hàng này

với nhau: một chiếc ghe thuyền Việt Nam, mà chủ có thể là người Việt hay người Hoa, ra khơi đến điểm hẹn, đằng sau một đảo nhỏ nào đó, với một tàu buôn Trung Hoa đi về phía Java, hoặc đảo Hải Nam, hay về phía Quảng Châu,... (48). Vì các phú thương Hoa kiều thường dong thuyền buôn chở gạo đi Quảng Châu rồi từ đó chở thuốc phiện đến Việt Nam. Cho nên, ở Hà Nội, một lượng lớn thuốc phiện được đưa vào từ Vân Nam theo đường sông Hồng. Đa số các khách hàng tiêu thụ thuốc phiện của Hoa thương là giới quan lại và các nhà quyền quý (49). Từ đầu thế kỷ XIX, thói quen hút thuốc phiện lan rộng trước hết trong giới Hoa kiều ở Nam Kỳ, sau đó dần dần xâm nhập vào xã hội Việt Nam. Triều đình Huế thường xuyên ra lệnh cấm dùng thuốc phiện như các lệnh năm 1817, 1820, 1824, 1832, 1840, 1852, 1853 và 1856, nhưng đều không thành công, cả việc buôn lậu thuốc phiện đều không chấm dứt.

Chúng ta biết rằng, thuốc phiện và các mặt hàng khác từ Trung Quốc tràn ngập vào thị trường Việt Nam qua con đường viên giới trên bộ và đường biển, từ Vân Nam, Quảng Tây và Quảng Đông tới Bắc Kỳ, và cũng từ Quảng Đông, Phúc Kiến, Chiết Giang, Thượng Hải, Hải Nam tới Trung và Nam Kỳ. Khu vực Bắc Kỳ có vị trí tiếp giáp với Trung Quốc, nên thuốc phiện vào Việt Nam rất dễ dàng, nhất là Bắc Kỳ, bằng cả hai con đường bộ và đường biển và cả hai hình thức là thương nhân và bọn buôn bán phi pháp. Thuốc phiện đến qua đường bộ chủ yếu được vận chuyển lậu qua đường Vân Nam và Quảng Tây. Thương nhân bán thuốc phiện để đổi lấy cotton và những hàng hóa địa phương khác ở Việt Nam, rồi sau đó dùng tiền này để mua sắm trang thiết bị vũ khí từ các thương nhân Pháp (50). Trong một chừng mực nhất định, các thương nhân cũng bị lôi kéo vào

các hoạt động này, các Hoa thương ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam và Siam đã vận chuyển nhiều thuốc phiện đến Việt Nam. Hơn nữa, bọn hải tặc nổi lên mạnh mẽ ở khu vực duyên hải biên giới Việt - Trung, khu vực Vịnh Bắc Bộ và Vịnh Thái Lan khiến cho những khu vực này rất khó kiểm soát việc buôn lậu và cũng là những tuyến nóng vận chuyển lậu thuốc phiện vào Việt Nam.

Đối với lượng thuốc phiện xâm nhập vào Việt Nam qua các con đường, một số nhỏ thuốc phiện được vận chuyển bằng thuyền, nhưng phần lớn xâm nhập bằng đường bộ (51). Hơn nữa, những tên buôn lậu người Hoa giữ vai trò quan trọng trong các hoạt động buôn lậu thuốc phiện từ Trung Hoa và Việt Nam. Từ thời kỳ Gia Khánh (1796-1820) và Đạo Quang (1821-1850) Trung Quốc trở đi, bọn *Tam Hợp Hội* buôn bán thuốc phiện trên biển khu vực Hoàng Hải, Macao, và Châu Giang, và hệ thống đường thủy ở tỉnh Quảng Đông. Ngoài ra, bọn *Yên Bang* (nhóm hút thuốc phiện) ở Tứ Xuyên, và Vân Nam hợp tác với bọn *Ca Lão Hội* (Hội Anh em) để buôn bán lậu thuốc phiện (52). Trong những năm đầu thời Tự Đức, việc hút thuốc phiện đã lan tràn khắp nơi, thậm chí đến cả bộ phận quan lại. Những người hút bao gồm những người dân địa phương cũng như những quan lại hoàng thân quốc thích. Nhiều thương nhân đã thuê nhiều ngư dân địa phương vận chuyển thuốc phiện đến Việt Nam cho họ, và những thương nhân khác thì dùng những khách đi thuyền vận chuyển thuốc phiện. Những loại hình buôn lậu thuốc phiện này ở Việt Nam khiến cho việc bắt giữ kẻ phạm tội khó khăn hơn (53).

Thuốc phiện được coi như một mặt hàng nguy hiểm, và bị hạn chế ở Việt Nam thời kỳ nhà Nguyễn. Chính sách đối với thuốc

phiện được thay đổi liên tục. Chính sách cấm thuốc phiện trên hai phương diện: *thứ nhất*, nhập khẩu thuốc phiện bị cấm, *thứ hai* là hút thuốc phiện hoặc phát tán thuốc phiện cũng bị cấm. Vào đầu thời kỳ trị vì của hoàng đế Gia Long, thuốc phiện là mặt hàng không bị đánh thuế. Nhưng thuốc phiện và cá mực lại bị đánh thuế ở Hà Tiên, nơi quản lý của Mạc Tử Thiêm con cháu của Mạc Cửu. Năm 1810, vua Gia Long tỏ ra thông cảm với người dân ở Hà Tiên và đã miễn trừ thuế thuốc phiện và thuế cá mực (54). Tuy nhiên, vào năm 1818, triều đình Huế đã ban hành lệnh cấm thuốc phiện ở Gia Định (55).

Đến thời Minh Mạng, chính quyền nhà Nguyễn hiểu rõ tác hại của thuốc phiện và đã áp dụng lệnh cấm. Hơn nữa, chính quyền nhà Nguyễn đã đưa ra nhiều quy định về việc trừng phạt đối với hành vi phạm tội buôn lậu, hút thuốc phiện, hoặc có những hoạt động lôi kéo khác có liên quan đến thuốc phiện. Năm 1820, chính quyền cấm hút, tàng trữ, phát tán, tình chế và buôn bán thuốc phiện. Nếu phạm tội ở che dấu những hoạt động phi pháp thuốc phiện ở các hải cảng thì sẽ bị trừng phạt. Trong con mắt của nhà Nguyễn, thuốc phiện là thứ độc hại cao bởi vì những người nước ngoài chẳng hạn như người Hoa đã đưa thói quen hút thuốc vào Việt Nam và hút thuốc phiện vô cùng hại cho sức khỏe và nguyên nhân dẫn đến việc quan lại và người dân sao nhãng chức trách của mình (56).

Nhà Nguyễn đưa ra nhiều hình phạt khác nhau cho những người hút và buôn lậu thuốc phiện. Về cơ bản, hình phạt cho người hút thuốc phiện không nghiêm khắc như việc nhập khẩu thuốc phiện, nhưng chỉ đến năm 1832, khi các hoàng thân quốc thích và các quan lại như Tôn Thất Huyền,

Hoàng Công Tài cũng hút thuốc phiện. Chính quyền đã ban lệnh cấm thuốc phiện nghiêm ngặt hơn (57). Năm 1835, triều đình Nguyễn đã ban bố những quy định về việc tố cáo, tố giác, cũng như kiểm tra và bắt giữ những người dính líu đến việc buôn lậu và hút thuốc phiện. Những ai tố cáo người hút hoặc buôn lậu thuốc phiện sẽ được thưởng hơn 20 lạng bạc dựa trên con số người buôn bán hoặc tàng trữ thuốc phiện. Cùng thời gian đó, nhiều biện pháp nghiêm khắc được đưa ra để ngăn chặn người nước ngoài đưa thuốc phiện vào Việt Nam (58).

Nhiều thương nhân người Hoa vẫn tiếp tục chở thuốc phiện đến Việt Nam buôn bán, bất chấp các lệnh cấm của triều đình Huế đưa ra. Thuốc phiện ở Bắc kỳ chủ yếu được các Hoa thương mang đến bằng đường bộ và đường biển, nhờ vị trí địa lý tiếp giáp trực tiếp với Trung Hoa, nhất là các trung tâm thương mại khu vực Nam Trung Hoa, vì vậy thuốc phiện tràn ngập vào Bắc kỳ cũng từ khu vực này. Vân Nam là khu vực vận chuyển thuốc phiện qua đường bộ lớn nhất tới Bắc Kỳ qua mạng lưới thương mại biên giới Việt - Trung. Nhiều tù trưởng địa phương tham gia mạnh mẽ vào các hoạt động buôn bán thuốc phiện trên những tuyến buôn bán thuốc phiện của người Hán. Hơn nữa, sự cung ứng thuốc phiện của các tù trưởng địa phương cũng tạo nên dòng chảy thuốc phiện trong nội vùng, điều này dẫn đến sự phân chia thành các tuyến buôn bán thuốc phiện khác nhau, những tộc người thiểu số địa phương trồng và bán thuốc phiện cho những tên buôn lậu người Hoa, sau đó những tên này phân tán thuốc phiện đến các thị trường tiêu dùng các địa phương hoặc vượt qua biên giới quốc gia (59).

Buôn lậu thuốc phiện chiếm vị trí ưu thế trong các hoạt động mậu dịch ở Bắc Kỳ thế kỷ XIX, vì vậy mà thực dân Pháp sau này cố gắng đánh thuế buôn bán thuốc phiện và nhiều quy định về hạn chế thuốc phiện nhưng đều bị phá vỡ vào cuối thế kỷ XIX (60). Hầu hết thuốc phiện ở Bắc Kỳ được buôn lậu bởi Hoa thương, thậm chí thông qua những người Hoa được thuê theo hợp đồng cũng đã thiết lập được 17 kho hàng, và có 618 địa điểm buôn bán lẻ hợp pháp. Ngoài những Hoa thương buôn bán tư nhân, bọn thổ phỉ và phản loạn cũng tham gia mạnh mẽ vào buôn lậu thuốc phiện từ Vân Nam tới Bắc Kỳ. Quân phiến loạn người Hồi cũng thúc đẩy buôn lậu thuốc phiện đến khu vực Shan và Burma để đổi lấy vũ khí và các thiết bị quân sự khác nữa (61). Chúng ta không thể coi nhẹ những đám thổ phỉ, từ khi họ tham gia vào buôn lậu thuốc phiện, nhất là cuối thế kỷ XIX, đám quân Cờ Đen và Cờ Vàng đã tổ chức những đám phản loạn ở Quảng Tây tổ chức từ những năm 60 thế kỷ XIX trở đi, chúng dùng tiền kiếm được từ buôn bán thuốc phiện ở Bắc Kỳ để đổi lấy trang thiết bị quân sự, như việc mua vũ khí từ Pháp (62). Khi những đám đạo tặc thổ phỉ này có được kinh phí sắm trang thiết bị quân sự từ việc buôn bán thuốc phiện và buôn lậu, hoặc cướp bóc hàng hóa thì họ sẽ là những tai họa lớn cho cư dân địa phương và cho triều đình, và việc dẹp yên chúng càng trở nên khó khăn hơn.

Buôn lậu thuốc phiện đường biển từ Trung Quốc đến Việt Nam cũng đã đem lại lợi nhuận khổng lồ cho Hoa thương, chính vì vậy, bất chấp lệnh cấm và những hình phạt đưa ra, các Hoa thương ngày càng tăng cường việc đưa thuốc phiện vào thị trường Việt Nam. Năm 1831, một chiếc tàu

chở thuốc phiện và chủ tàu là Ngô Đại Như, một thương nhân người Hoa, đến một cảng biển miền Bắc Việt Nam. Một viên quan ở Bắc Thành (Hà Nội) đã báo với hoàng đế Minh Mạng và sau đó triều đình đã đưa ra các hình phạt đối với Hoa thương này và tông phạm của hắn. Những kẻ tội phạm như Diệp Hoàn, Trần Tứ bị tống đi đày, trong khi đó, Ngô Ứng Hồng, em trai của Ngô Đại Như và Lý Bằng phải chịu tống giam. Thủy thủ và những người làm thuê trên thuyền được thả về quê, và hàng hóa bị tịch thu sung công (63). Năm 1836, nhiều thuyền buôn Trung Hoa buôn lậu 65 cân thuốc phiện sống và 25 lạng thuốc phiện chín từ Quảng Đông và bị phát hiện ở Quảng Nghệ (64). Năm 1857, một thủy thủ người Anh là Edward Brown đã giúp bọn cướp biển bắt giữ thuyền buôn lớn Phúc Kiến trên đường từ Khâm Châu đến Việt Nam. Chiếc thuyền buôn Phúc Kiến này chở thuốc phiện, vàng thỏi, và các loại hàng hóa giá trị khác. Hơn nữa, Brown cũng chuyên chở nửa hòm thuốc phiện trị giá 210 Dollar đến các khu vực ven biển Việt Nam (65). Nhiều thuốc phiện được bọn hải tặc đem trở lại Trung Hoa. Năm 1837, một thuyền hải tặc người Hoa bị chính quyền nhà Nguyễn bắt được, thuốc phiện, cát, và tre chúng mang theo trên thuyền đều bị tịch thu sung công (66). Hơn nữa, nhiều quan lại nhà Nguyễn buôn bán thuốc phiện từ khu vực Đông Nam Á trên hành trình thực hiện các hoạt động mậu dịch. Năm 1836, Trần Hưng Hòa và các quan lại khác buôn lậu thuốc phiện và sách về Thiên chúa giáo, sau khi họ đã hoàn thành các công việc buôn bán của mình và quay về từ Hạ Châu (67).

Bên cạnh đó, vụ Lâm Tắc Từ nhà Thanh thiêu đốt nha phiến ở Quảng Đông đã có tác động mạnh mẽ đến chính quyền nhà

Nguyễn, chính quyền thực hiện nhiều biện pháp để phòng ngừa ngặt đối với nạn buôn lậu thuốc phiện đến Việt Nam. Trong cơn mắt của triều đình Huế thì họ đang có những biện pháp hiệu quả để cấm và tiêu hủy thuốc phiện đến từ Trung Quốc, điều này có thể khiến cho bọn buôn lậu nước ngoài phải vận chuyển thuốc phiện đến Hạ Châu buôn bán. Ngoài ra, chính quyền phải áp dụng rất nhiều biện pháp cứng rắn để ngăn chặn buôn bán thuốc phiện đang nổi lên mạnh mẽ (68). Năm 1839, nhà Nguyễn đã ban hành lệnh cấm thuốc phiện khác, và các quy định hạn chế hút, tàng trữ, phân phối thuốc phiện được đưa ra (69). Cùng năm, một số thương nhân người Hoa bị chém đầu bởi buôn bán thuốc phiện hoặc sách vở có nội dung mờ ám, và đưa người vụng trộm sang Việt Nam (70). Vào thời kỳ cuối của hoàng đế Minh Mạng ông đã chỉ thị cho các quan lại hãy cẩn thận với các thương nhân nước ngoài, nhất là Hoa thương (71). Sau Chiến tranh Nha phiến lần thứ nhất ở Trung Quốc (1839-1842), triều đình nhà Nguyễn đã duy trì sự phòng ngự mạnh mẽ đối với tình hình thuốc phiện. Năm 1843, các quan lại ở Hà Tiên báo cáo rằng có 6 chiếc tàu của người châu Âu chở thuốc phiện đã hạ neo ở những tỉnh ven biển của Siam. Triều đình Siam đã tịch thu số thuốc phiện và những hàng hóa khác và đóng cửa cửa biển nhằm hạn chế những điểm vào Siam. Sự kiện này như một hồi chuông đánh thức triều đình Huế (72). Đồng thời, Crawford cũng cảnh báo về sự xâm nhập của thuốc phiện vào Việt Nam, "thuốc phiện là sự tàn phá đối với vương triều, theo tính toán khoảng một lượng lớn trị giá 3.500 dollar Tây Ban Nha cho một thùng, khoảng 150 thùng mỗi năm, 2/3 số này dự tính cho Bắc Kỳ và 1/3 là cho Nam Kỳ và Kamboja" (73).

Quay trở lại vấn đề cấm thuốc phiện, trong thời kỳ trị vì của vua Tự Đức, thuốc phiện bị cấm nhiều lần. Tuy nhiên, việc cấm này không có hiệu quả, việc thuốc phiện tràn lan ngày càng nhanh. Năm 1862, nhiều quan lại báo cáo với vua Tự Đức rằng nạn hút thuốc phiện vẫn còn phổ biến tại Việt Nam. Những thị trường tiêu thụ lớn đã kích thích thương nhân buôn lậu thuốc phiện ngày càng nhiều. Các quan lại đã trình tấu những bản báo cáo cho Tự Đức nói rõ rằng đánh thuế nặng sẽ thay thế được việc cấm thuốc phiện, để ngăn chặn sự lan tỏa và ảnh hưởng nguy hại của thuốc phiện. Cứ 40 cân (khoảng 0,5 kg) thuốc phiện phát hiện được từ Hoa thương, thì đánh thuế trị giá một cân. Năm 1863, chính quyền nhà Nguyễn đã phê chuẩn việc đánh thuế nặng vào thuốc phiện để thử nghiệm thay thế cho việc cấm thuốc phiện hoàn toàn trước đây. Vì thế, tháng 2 năm 1865, Tự Đức bỏ lệnh cấm, ngoại trừ đối với quan lại và nhà vua chỉ thị cho đánh thuế nhập khẩu thật nặng đối với mặt hàng này, *"Từ nhiều năm qua, luật pháp ta nghiêm cấm thuốc phiện. Nhưng ngu dân nhiều kẻ đã mắc thành nghiện, cấm cũng khó chữa, chỉ làm lợi cho kẻ buôn bán lén lút mà thôi. Nếu chúng ta không cấm dùng thuốc phiện được, chẳng thà đánh thuế thuốc phiện thật nặng. Với chính sách này, số người bán và hút thuốc phiện sẽ giảm. Như vậy không cấm mà có hiệu quả như là cấm. Nhà nước sẽ ra lệnh cho các thương nhân người Hoa từ nước ngoài sang, khi họ đến cảng Việt Nam nhân viên quan thuế sẽ bắt họ kê khai khối lượng chính xác số thuốc phiện nhập khẩu và bắt họ đóng thuế theo quy định"* (74).

Cũng chính vào năm ấy, khởi trưng thuế nha phiến mà chính quyền nhà Nguyễn thu được với số tiền là 302.000 quan (75), đây quả không phải là con số nhỏ trong các

khoản thu của chính quyền trong một năm, và điều này cũng chứng tỏ rằng nạn buôn thuốc phiện vô cùng phổ biến trong giới Hoa thương thời kỳ này.

Rồi những năm tiếp sau đó, tổng số thuế đánh vào thuốc phiện mỗi năm là 382.200 xâu tiền (76). Tuy nhiên, xem ra việc đánh thuế nặng lên buôn bán thuốc phiện không giải quyết được vấn đề. Cùng năm đó (1865), các quan lại báo cáo với vua Tự Đức rằng, việc bãi bỏ lệnh cấm thuốc phiện là nguyên nhân dẫn đến vấn nạn thuốc phiện càng nghiêm trọng, nguy hại, và lan tràn ở Việt Nam ngày càng rộng hơn (77). Chính vì vậy, triều đình nhà Nguyễn phải đánh thuế thuốc phiện nhằm bổ sung cho quốc khố trung ương trong những năm cuối trước giai đoạn thực dân ở Việt Nam. Chính thể quân chủ Việt Nam đã ban đặc quyền cho các Hoa thương cho đến khi xác lập tình trạng hộ quốc chính thức ở Việt Nam. Ngay sau khi Pháp bắt đầu công cuộc chinh phục miền Nam và chính quyền Pháp ở Nam Kỳ đã cố gắng xiết chặt việc buôn bán thuốc phiện của người Hoa. Do vậy, những kết quả đó Pháp đã đạt được, đây cũng là một lí do để người Pháp thực hiện phân chia và hình thành các nhóm người Hoa hay tăng giá cho việc tinh chế thuốc phiện, thậm chí khuyến khích các hoạt động buôn bán thuốc phiện phi pháp, và có sự điều đình giữa chính quyền thực dân và Hoa thương để người Pháp có được lợi nhuận lớn nhất (78). Tuy vậy, thực dân Pháp vẫn không hoàn toàn kiểm soát được thị trường thuốc phiện ở Bắc Kỳ trong những thập niên cuối thế kỷ XIX. Năm 1890, những người Hoa được thuê theo hợp đồng vẫn được sử dụng trong các hoạt động buôn bán thuốc phiện phi pháp. Ở Việt Nam, gần 60% hoạt động buôn bán thuốc phiện được thực hiện qua các thương gia hoạt động phi pháp (79).

Có thể nói, cho dù là thời kỳ quân chủ độc lập hay thời kỳ thuộc địa nửa phong kiến thì người buôn bán thuốc phiện ở Việt Nam vẫn là người Hoa, sự thay đổi về chính trị hầu như không ảnh hưởng đến các hoạt động buôn bán mặt hàng này, thậm chí lợi dụng việc đó để Hoa thương càng mở rộng hơn quy mô buôn bán thuốc phiện của mình, nhất là các hoạt động buôn lậu.

Kết luận

Đối với thương nhân, hoạt động thương mại là để kiếm lời, thậm chí họ bất chấp thủ đoạn để thu được lợi nhuận tối đa cho mình. Trên nhiều phương diện, sự tích cực của những thương nhân đã thúc đẩy nền kinh tế phát triển hơn, hàng hóa lưu thông, khiến cho cung - cầu gặp nhau, đáp ứng được nhu cầu của người tiêu dùng. Đồng thời nhờ thương mại mà chính phủ tăng thêm được ngân khố quốc gia, nhưng người hưởng lợi nhiều nhất chủ yếu là thương nhân. Song, không phải lúc nào các hoạt động thương mại cũng đem lại những yếu tố tích cực, nhất là những hoạt động phi pháp nằm ngoài sự quản lý của thị trường. Cho nên, chúng tôi muốn nhấn mạnh rằng, trong những hoạt động ngoại thương của Hoa thương ở Việt Nam thời kỳ nửa đầu thế kỷ XIX đối với hai mặt hàng lúa gạo và thuốc phiện đã tác động không nhỏ tới đời sống kinh tế - xã hội của Việt Nam.

Không chỉ thời kỳ nhà Nguyễn, mà rất nhiều thời kỳ khác của Việt Nam, nạn đói thường xuyên xảy ra, nhất là ở Bắc Kỳ, diện tích trồng lúa không đủ cung ứng cho nhu cầu tiêu dùng, trong thời kỳ này, chính quyền Huế phải thường xuyên chở gạo từ Gia Định ra Huế và Bắc Kỳ để đáp ứng nhu cầu của người dân. Nhưng những hoạt động buôn bán gạo của Hoa thương không ngừng tăng lên, nhất là những hoạt động

buôn lậu lúa gạo đã khiến cho tình hình đói kém càng thêm nghiêm trọng hơn, nhất là việc chênh lệch giá gạo lớn giữa Việt Nam và Trung Quốc, nhất là khu vực miền Nam Trung Hoa thường xuyên xảy ra chiến tranh cướp bóc cộng với tốc độ gia tăng dân số nhanh, điều này khiến gạo trở thành mặt hàng siêu lợi nhuận trong các hoạt động mậu dịch của Hoa thương giữa Việt Nam và Trung Quốc, nhất là do vị trí địa lý và giao thông thuận tiện càng khiến cho hoạt động buôn bán gạo gia tăng hơn. Do vậy, để đáp ứng nhu cầu cấp thiết về gạo ở thị trường Trung Hoa, các hoạt động thương mại của Hoa thương ở Việt Nam vô hình chung đã ảnh hưởng nghiêm trọng tới thị trường gạo Việt Nam, làm gia tăng những bất ổn xã hội do việc thiếu lương thực gây nên.

Đưa gạo ra khỏi biên giới Việt Nam, Hoa thương đưa thuốc phiện vào nhiều nhất là dưới thời vua Minh Mạng và Tự Đức, thuốc phiện tràn lan khắp cả nước, khắp các giới từ bình dân đến quan lại. Mặc dù triều đình nhiều lần cấm nghiêm ngặt buôn bán tàng trữ và phát tán thuốc phiện, nhưng xem ra không mấy hiệu quả với Hoa thương vì đây cũng là mặt hàng đem lại siêu lợi nhuận cho Hoa thương. Vấn nạn thuốc phiện đã tác động rất nghiêm trọng tới xã hội Trung Quốc và nhà Nguyễn cũng nhìn thấy điều này, nhưng không thể ngăn cản nổi việc Hoa thương đưa thuốc phiện vào thị trường Việt Nam, bởi với mạng lưới buôn bán rộng khắp khu vực, lại có sự liên kết mạnh mẽ với thị trường Trung Quốc rộng lớn, khiến Hoa thương càng khẳng định được vị trí của mình trong các hoạt động mậu dịch, kể cả những hoạt động buôn bán phi pháp. Những hoạt động kinh doanh thuốc phiện càng gây ảnh hưởng nghiêm trọng hơn tới đời sống xã hội của Việt Nam.

Hầu như Hoa thương đã can thiệp rất sâu vào các hoạt động thương mại của Việt Nam thời kỳ này, những hoạt động này đã nằm ngoài sự kiểm soát của chính quyền. Và, Hoa thương vừa là nhân tố tích cực cho nền kinh tế, xã hội Việt Nam nhưng cũng đem lại nhiều vấn đề tiêu cực cho nền kinh

tế - xã hội. Cho nên, dù thời kỳ nào, việc kiểm soát chặt chẽ Hoa thương và những hoạt động kinh tế của họ là vấn đề cực kỳ quan trọng, bởi nắm bắt và lợi dụng được đội ngũ Hoa thương sẽ là nhân tố quan trọng để phát triển kinh tế, xã hội đất nước.

CHÚ THÍCH

(1). Về vấn đề gạo và buôn bán gạo của Việt Nam xin xem thêm trong Choi Byung Wook (2004), *Southern Vietnam under the Reign of Minh Mang (1820 - 1841): Central Policies and Local Response*, Cornell University, Ithaca, New York, pp. 69-71; Nguyễn Thế Anh, *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008.

(2). Li Tana, "The late 18th century Mekong delta and the world of the Water Frontier", in Nhung Tuyet Tran and Anthony Reid, ed. *Vietnam Beyond Borders*, University Press of Wisconsin, 2006, p.154.

(3). E. Toda, "Annam and its Minor Currency", *Journal of the North-China Branch of the Royal Asiatic Society*, 17, 1, 1882, p. 72. In Julia Martíne, "Chinese Rice Trade and Shipping from the North Vietnamese Port of Hải Phòng", *Chinese Southern Diaspora Studies*, Volume 1, 2007, p. 83.

(4). *Annales de la Propagation de la Foi*, Vol 30 (1858): 210-77, letter dated 24 June 1857, from Mgr Pierre - André Retord, to Abbé Laurens (France), quote p. 224. In Julia Martíne, "Chinese Rice Trade and Shipping from the North Vietnamese Port of Hải Phòng", *Chinese Southern Diaspora Studies*, Volume 1, 2007, p. 84.

(5). *Annales de la Propagation de la Foi*, Vol 30 (1858): 210-77, letter dated 24 June 1857, from Mgr Pierre- André Retord, to Abbé Laurens (France), quote, pp. 224-5. In Julia Martíne, "Chinese Rice Trade and Shipping from the North Vietnamese Port of Hải Phòng", *Chinese Southern Diaspora Studies*, Volume 1, 2007, p. 84.

(6). *Annales de la Propagation de la Foi*, Vol 30 (1858): 210-77, letter dated 24 June 1857, from Mgr Pierre- André Retord, to Abbé Laurens (France), quote, pp. 275. In Julia Martíne, "Chinese Rice Trade and Shipping from the North Vietnamese Port of Hải Phòng", *Chinese Southern Diaspora Studies*, Volume 1, 2007, p. 84.

(7). Julia Martíne, "Chinese Rice Trade and Shipping from the North Vietnamese Port of Hải Phòng", *Chinese Southern Diaspora Studies*, Volume 1, 2007, p. 84.

(8). Julia Martíne, "Chinese Rice Trade and Shipping from the North Vietnamese Port of Hải Phòng", *Chinese Southern Diaspora Studies*, Volume 1, 2007, p. 84.

(9). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên IV, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, Q. 35, tr. 1026-1027.

(10). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên IV, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, Q.36, tr. 1055.

(11). Yoshiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847-1885*, Ban Khoa học Xã hội Thành ủy, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr. 145.

(12). Chúng ta được biết rằng, dưới chế độ phong kiến Việt Nam rất ít hoặc hầu như không có các nhà buôn bán lớn cũng như các nguồn cho vay lãi lớn. Trong giao dịch họ hầu như hoàn toàn trả tiền mặt ngay hoặc có vay mượn thì theo kiểu hình thức giản đơn nhất theo từng gia đình, họ hàng, hàng xóm. Trước sự đe dọa của chính quyền nhà

nước, không dám giữ một số vốn lớn, hoặc dùng vốn để cho vay lãi. Luật pháp nhà nước phong kiến còn quy định lãi không được quá 3 phần hàng tháng (3%) (điều 134 luật Gia Long) và bất kỳ trường hợp nào, lãi cũng không được vượt quá số vốn cho vay (theo đạo dụ năm Tự Đức thứ 25 (1872)).

(13). Jammes (HL), *Souvenirs du pays d'Annam*, Paris, 1897. Dẫn theo Nguyễn Thừa Hỷ, *Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVII-XVIII-XIX (kinh tế - xã hội của một thành thị trung đại Việt Nam)*, Hội sử học Việt Nam, 1993, tr. 164.

(14). Trước tình hình đó, triều đình nhà Nguyễn đã cho thi hành một loạt các biện pháp khắt khe đối với việc buôn lúa gạo. Liên tiếp trong những năm 1824, 1827, 1828, 1833, 1836, Minh Mệnh đã ban ra các sắc lệnh nghiêm cấm việc bán trộm lúa gạo cho các thuyền buôn nhà Thanh chở về Trung Quốc. Năm 1850, Tự Đức lại nhắc lại việc nghiêm cấm các Hoa kiều mua trộm gạo chở về Trung Quốc, và khép các chủ thuyền gạo đó vào tội "giảo giam hậu". Tuy nhiên, việc buôn bán trộm vẫn cứ tiếp tục. Trước thực tế đó, từ năm 1865, và nhắc lại năm 1869, Tự Đức đã bãi bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo, chuyển sang đánh thuế các thuyền buôn Trung Quốc. Tuy nhiên, người chủ thuyền đi mua gạo phải có giấy phép, có chính quyền huyện chứng thực, trình duyệt ở các cơ quan, chịu nộp thuế quan tân 2,5% và phải buôn bán đúng nơi quy định. Những năm gạo thóc khan hiếm, nhà nước lại ra lệnh đình cấm lại việc xuất khẩu gạo sang Trung Quốc. Xem trong, Nguyễn Thừa Hỷ, *Thăng Long - Hà Nội thế kỷ XVII-XVIII-XIX (kinh tế - xã hội của một thành thị trung đại Việt Nam)*, Hội sử học Việt Nam, 1993, tr. 164-165.

(15). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 2, Q. 34, tr. 440.

(16). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Nxb. Thuận Hóa, 1993, tập 4 Q. 48, tr. 431.

(17). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Nxb. Thuận Hóa, 1993, Q. 49, tr. 463-464.

(18). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 5, Q. 194, tr. 363.

(19). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên IV, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, Q. 30, tr. 862.

(20). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, 2007, tập 3, Q. 88, tr. 457.

(21). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 3, Q. 78, tr. 283.

(22). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 4, Q. 166, tr. 890.

(23). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 4, Q. 167, tr. 904.

(24). Choi Byung Wook, *The Nguyen dynasty's Policy toward Chinese on the Water Frontier in the First Half of the Nineteenth Century*, in Nola Cook and Li Tana (ed), 2004, *Water Frontier: Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750-1880*, Singapore, p. 87.

(25). Choi Byung Wook, *The Nguyen dynasty's Policy toward Chinese on the Water Frontier in the First Half of the Nineteenth Century*, in Nola Cook and Li Tana (ed), 2004, *Water Frontier: Commerce and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750-1880*, Singapore, p. 87

(26). Quốc Sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Chính biên II, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2007, tập 2, Q. 61, tr. 884.

(27). Choi Byung Wook, *The Nguyen dynasty's Policy toward Chinese on the Water Frontier in the First Half of the Nineteenth Century*, in Nola Cook and Li Tana (ed), 2004, *Water Frontier: Commerce*

and the Chinese in the Lower Mekong Region, 1750-1880, Singapore, p. 92.

(28). Choi Byung Wook (2004), *Southern Vietnam under the Reign of Minh Mang (1820 - 1841): Central Policies and Local Response*, Cornell University, Ithaca, New York, pp.72-73.

(29). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 2, Q. 29, tr. 381.

(30). *Minh Mệnh Ngũ Trị Văn*, Viện Hán Nôm. A118/1, Q. 6.

(31). *Minh Mệnh Tấu Nghị*, Viện Hán Nôm, Vhv. 96/6, tr. 10-28.

(32). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 4, Q. 167, tr. 906.

(33). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 4, Q. 167, tr. 906.

(34). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên III, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 6, Q. 53, tr. 803-804.

(35). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên IV, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, Tập 7, Q.5, tr. 167.

(36). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên IV, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, Q. 20, tr. 618.

(37). Li Tana, "The eighteenth-century Mekong Delta and its world of water frontier", in Anthony Reid and Nhung Tuyet Tran, ed., *Viet Nam Borderless Histories* (Madison: University of Wisconsin Press, 2006), p. 159.

(38). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, Q. 48, tr. 430-437.

(39). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, Q. 48, tr. 431.

(40). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 2, Q. 9, tr. 358.

(41). Lưu trữ AOM Aix, Amiraux 12873, Philastre gửi thống đốc Nam kỳ, Huế ngày 24-4-1879, theo Shiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa từ 1847 đến 1885*, Ban Khoa học xã hội Thành ủy Tp. Hồ Chí Minh, 1990, tr. 279.

(42). AOM Aix, Amiraux 13194, Ture gửi thống đốc Nam Kỳ, Hải Phòng, ngày 4-1-1878, theo Shiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa từ 1847 đến 1885*, Ban Khoa học xã hội Thành ủy Tp. Hồ Chí Minh, 1990, tr. 280.

(43). AOM Aix, Amiraux 12873, Philastre gửi thống đốc Nam Kỳ, Hải Phòng, ngày 24-4-1879, theo Shiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa từ 1847 đến 1885*, Ban Khoa học xã hội Thành ủy Tp. Hồ Chí Minh, 1990, tr. 280.

(44). Stephen Tseng-his Chang, "Commodities imported to the Chang-chou region of Fukien during the late Ming period. A primary analysis of the tax list", in *Emporia, commodities and entrepreneurs*, pp. 164-165, Table I, medicinal material.

(45). Khoo Kay Yong, "Responses to Restrictions: Maritime Commerce in seventeenth Century Tonkin" (Honours thesis, Dept. of History, Faculty of Arts & Social Sciences, National University of Singapore, 1995), pp. 37-38.

(46). Laufer Berthold, *Tobacco and its use in Asia* (Chicago: Field Museum of Natural History, 1924), pp. 23-24.

(47). Laufer Berthold, *Tobacco and its use in Asia* (Chicago: Field Museum of Natural History, 1924), p. 31.

(48). Riichiro Fujiwara, *Về sắc dụ cấm Nha phiến của triều Nguyễn*, Cửa sổ Lịch sử, 8, tr. 37-38, dẫn theo, Yoshiharu Tsuboi, *Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847-1885*, Ban

Khoa học Xã hội Thành ủy, Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr. 145.

(49). Triều đình nhà Nguyễn cũng đã có những điều luật khắt khe trong việc nghiêm cấm các Hoa thương buôn thuốc phiện lậu. Minh Mệnh đã tuyên bố rằng, “thuốc phiện là thứ thuốc độc từ nước ngoài đem lại”, và trong những năm 1820, 1824, 1831, 1839 liên tiếp ra những đạo luật xử tội các chủ thuyền buôn bán thuốc phiện, từ tội mãn lưu (đày 3000 dặm) đến tội giảo quyết. Năm 1834, Tự Đức cũng ghi rõ: “Nếu khi tàu buôn của Hoa thương từ Trung Quốc trở về, (sau khi chở gạo sang) có đem theo thuốc phiện thì chủ thuyền sẽ bị tội trảm quyết, người lái thuyền bị tội trảm giam hậu”. Như vậy là hình phạt tội chở thuốc phiện nặng hơn tội chở gạo trộm. Tuy nhiên, cũng như gạo, việc đó không hề ngăn cản được tầng lớp Hoa thương Hà Nội buôn lậu thuốc phiện. Đến năm 1865, Tự Đức cũng phải ra sắc lệnh bãi bỏ lệnh cấm thuốc phiện, mà chuyển sang đánh thuế thật nặng (40 cân lấy 1 cân, sau tăng lên 3 cân), cho rằng “thế là không cấm mà vẫn cấm!”. Năm 1880, triều đình lại ra đạo dụ kiểm soát ngặt nghèo việc mua bán thuốc phiện, bằng các chỉ cấp chứng chỉ cho một số ít Hoa kiều được độc quyền mua bán thứ hàng này, tịch thu và phát tiền những hàng lâu trái phép. Biện pháp đó cũng không mang lại được kết quả mong muốn.

(50). Ella S. Laffey, “*Relations between Chinese provincial officials and the Black Flag Army, 1883-1885*” (PhD thesis, Cornell University, 1971), Chapter 2.

(51). “Crawford’s report on the state of the Annamese Empire”, in Alistair Lamb, *The Mandarin Road to Old Hue*, London, 1970, p. 262.

(52). Thái Thiếu Khanh, *Trung Quốc cận đại hội đảng sử nghiên cứu*, Bắc Kinh: Trung Hoa thư cục, 1987. p. 23–24.

(53). *Tự Đức Chiếu 嗣德诏諭*. Tư liệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Ký hiệu A.58, tr. 121.

(54). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 1, Q. 40, tr. 788.

(55). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên I, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 1, Q. 57, tr. 965.

(56). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 2, Q. 4, tr. 77.

(57). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 3, Q. 87, tr. 452.

(58). “Định lại điều lệ báo, bắt thuốc phiện. Phàm những người biết ai giấu thuốc phiện, nấu thuốc phiện, bán mua thuốc phiện hoặc hút vụng thì báo quan. Bắt được quả tang, từ không đầy 1 cân trở xuống, vẫn theo lệ trước, thưởng cho người báo 20 lượng bạc; còn từ 1 cân trở lên thưởng thêm cho 30 quan tiền; 5 cân trở lên; 50 quan; 10 cân trở lên: 100 quan; 20 cân trở lên: 150 quan; 30 cân trở lên: 400 quan. Do quan địa phương, trong ngày đem tang vật và phạm nhân đến xử án, phải đương đường xét rõ, chiếu ngay cái số đáng thưởng, trước trích lấy số sản nghiệp tịch thu của phạm nhân đem bán đi, thưởng cho người đã tố giác, còn thừa thì sung công; nếu không đủ thì lấy tiền công cấp cho. Nhược bằng quan địa phương không tra xét ngay, hoặc để bọn nha lại hạch sách làm khó dễ, theo đó mà chấm dứt thì khép vào tội vi phạm pháp chế. Người đi bắt, nếu ăn tiền, cố ý tha; hoặc lý dịch sở tại vì tư tình dàn hoà riêng thì lập tức truy cứu lý do bởi đâu, sẽ khép đồng tội như phạm nhân. Nếu tính tang tiền nặng đến tội chết thì khép vào tử tội. Kẻ nào tư tình mà để cho làm thì xử vào tội tông phạm. Những người hương bảo và lân hự biết rõ những việc giấu giếm, nấu trộm, bán mua, vụng hút thuốc phiện cùng là ăn hối lộ mà buông thả, không tố cáo ra, thì chiếu lệ, bắt tội nặng thêm một bậc”. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 4, Q. 162, tr. 817-818.

(59). David Bello, “The Venomous Course of Southwestern Opium: Qing Prohibition in Yunnan, Sichuan, and Guizhou in the Early nineteenth Century” in *Journal of Asian studies*. 62, No. 4 (Nov. 2003): 1116.

(60). Hakiem Nankoe, Jean-Claude Gerlus and Martin J. Murray, "The Origins of the Opium Trade and the Opium Regime in Colonial Indochina" in John Butcher and Howard Dick, eds., *The Rise and Fall of Revenue Farming, business elites and the emergence of the modern state in Southeast Asia* (New York, N.Y. : St. Martin's Press ,1993), p. 195.

(61). Chiranan Prasertkul, *Yunnan Trade in the nineteenth century: Southwest China's cross-boundaries Functional System* (Bangkok: Institute of Asian Studies, Chulalongkorn University, 1989), p. 61.

(62). Chiranan Prasertkul, *Yunnan Trade in the nineteenth century: Southwest China's cross-boundaries Functional System* (Bangkok: Institute of Asian Studies, Chulalongkorn University, 1989), p. 61; Ella S. Laffey, "Relations between Chinese provincial officials and the Black Flag Army, 1883–1885"; and GW Clark, *Kweichow and Yunnan Province* (London, 1894).

(63). *Minh Mệnh Ngũ Trị Văn*, Tư liệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm, ký hiệu A118/3, Vol. 1, tr. 30b.

(64). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, Q. 170.

(65). Janin, Hunt. *The India-China opium trade in the nineteenth century*. Jefferson, NC: McFarland & Company, 1999, pp. 134-144

(66). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 5, Q. 178, tr. 28.

(67). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 4, Q. 170, tr. 960-961.

(68). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 5, Q. 201, tr. 497-498.

(69). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên II, Nxb. Giáo dục, Hà Nội,

2007, tập 5, Q. 207, tr. 584-586.

(70). Nội các triều Nguyễn, *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ*, Nxb. Thuận Hóa, Huế, 1993, tập 4 Q. 48, tr. 433-435.

(71). *Thường Hành Điển Lệ (常行典例)*. Tư liệu Thư viện Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Ký hiệu A.2102, p. 50.

(72). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên III, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 6, Q. 27, tr. 455.

(73). "Crawfurd's report on the state of the Annamese Empire", in Alistair Lamb, *The Mandarin Road to Old Hue*, London, 1970, p. 262.

(74). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên IV, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 7, Q.31, tr.898. Cứ 40 cân lấy 1 cân tức là 2,5%.

(75). Nguyễn Thế Anh, *Kinh tế và xã hội Việt Nam dưới các vua triều Nguyễn*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2008, tr. 225.

(76). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên IV, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 7, Q. 31, tr. 898.

(77). Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, chính biên IV, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2007, tập 7, Q. 33, tr. 976.

(78). Nankoe, Hakiem; Gerlus, Jean-Claude and Murray, Martin J. "The Origins of the Opium Trade and the Opium Regie in Colonial Indochina", in Butcher, John ed. *The Rise and Fall of Revenue Farming, business elites and the emergence of the modern state in Southeast Asia*, St.Martin's Press, 1993, pp. 183-189.

(79). Nankoe, Hakiem; Gerlus, Jean-Claude and Murray, Martin J. "The Origins of the Opium Trade and the Opium Regie in Colonial Indochina", in Butcher, John ed. *The Rise and Fall of Revenue Farming, business elites and the emergence of the modern state in Southeast Asia*, St.Martin's Press, 1993, p. 195.